

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Docimexco ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Phát	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Ông AuThony Nguyễn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Ngọc Đông	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trương Hữu Nghĩa	Trưởng ban kiểm soát
Ông Đinh Thiện Hiến	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 89 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các hoạt động chính

Bách hoá với sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh một hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, sỏi. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. Sao lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Rắn huấn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ nhựa; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

5. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động của năm tài chính 2010 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 08 đến trang 28.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán ĐPK Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Nhóm Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đồng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 2/28



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



PHẠM VĂN ĐƯỢC

Ngày 22 tháng 02 năm 2011



Số: 086a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Docimexco

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Docimexco ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2011, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 4/28

CÔNG TY
KIỂM TOÁN
DFK
VIỆT NAM

hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Hồng", written over a horizontal line.

NGUYỄN VĂN TUYẾN

Chứng chỉ KTV số: 41.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DPK Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011

HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		808.687.479.115	646.963.101.910
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	206.569.869.239	82.473.629.867
1. Tiền	111		89.019.889.239	82.473.629.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		119.550.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		259.886.233	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		259.886.233	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	331.158.897.820	259.457.954.070
1. Phải thu khách hàng	131		129.969.435.187	109.876.018.308
2. Trả trước cho người bán	132		98.101.439.104	39.640.760.784
3. Các khoản phải thu khác	133		96.365.232.599	103.469.396.582
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	134		(3.272.209.873)	(1.857.239.602)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	239.179.216.000	202.953.452.336
1. Hàng tồn kho	141		239.401.864.325	204.277.154.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(222.648.239)	(1.423.671.730)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	29.531.610.427	21.178.038.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		898.289.362	530.434.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.185.870.181	9.496.896.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		5.068.912.458	172.335.817
4. Tài sản ngắn hạn khác	159		7.381.738.446	(1.048.381.889)
B. Tài sản dài hạn	200		228.261.949.994	166.019.790.332
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		214.118.106.965	185.798.328.216
1. TSCE hữu hình	221	V.05	161.165.531.764	109.747.339.245
- Nguyên giá	222		255.985.784.668	201.214.127.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.803.282.904)	(91.461.794.783)
2. TSCE vô hình	227	V.06	17.172.637.973	19.610.081.097
- Nguyên giá	228		17.391.419.297	12.908.282.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.781.319)	(98.261.047)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	45.780.938.828	33.153.972.874
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	V.08	132.139.121	428.396.112
1. Nguyên giá	241		1.408.131.849	1.408.131.849
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.286.008.728)	(969.825.737)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		6.047.231.621	3.414.849.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	3.826.287.531	-
2. Đầu tư dài hạn khác	259	V.10	4.220.934.000	3.414.849.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.353.049.753	3.762.558.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.052.741.019	3.483.846.919
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	300.308.733	275.739.902
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	299		2.621.247.035	2.996.825.183
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.098.949.429.109	813.282.895.242

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		788.858.310.105	598.004.017.883
I. Nợ ngắn hạn	310		708.301.464.452	514.967.681.713
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	551.441.759.101	416.361.137.230
2. Phải trả người bán	312	V.14	104.859.034.307	66.569.368.292
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	19.171.815.486	9.826.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	6.408.402.090	19.226.054.543
5. Phải trả người lao động	315	V.16	3.257.370.540	6.063.930.997
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.082.932.614	360.186.679
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	22.315.452.104	18.782.175.405
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.236.561.792)	830.329.106
II. Nợ dài hạn	330		80.556.905.653	81.036.336.170
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	30.728.000.391	20.334.247.391
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	28.028.850.478	37.791.431.508
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		348.986.090	199.228.728
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	21.550.359.694	22.051.428.525
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.21	218.208.535.409	190.758.090.472
I. Vốn chủ sở hữu	410		218.208.535.409	190.758.090.472
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.913.030.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.178.967.299)	(2.858.225.654)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.114.437.700	6.740.000.000
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.321.498.500	3.591.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.009.156.508	66.170.346.128
II. Nguồn hình thành, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		29.724.580.505	26.526.786.906
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.036.949.420.100	818.282.605.242

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
- USD	4.162.207.97	4.326.084.74
- EUR	3.074.97	1.062.50
6. Dự toán chi hoạt động	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Chữ ký)

(Chữ ký)



Người lập biểu
 Ngày 29 tháng 02 năm 2011

Hà Xuân Long
 Kế toán trưởng

Lê Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 7/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thước mình	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.844.878.128.468	1.573.908.983.355
2. Các khoản giảm trừ	02		3.739.304.355	3.062.955.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	1.841.138.823.493	1.570.845.978.109
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	1.640.572.166.922	1.448.215.211.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.566.117.571	122.630.766.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	60.660.091.551	92.372.870.681
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	61.688.618.114	36.438.854.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	27		55.776.703.533	29.193.804.685
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	61.647.039.825	63.719.037.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	62.766.263.911	67.980.997.143
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.225.266.474	66.764.758.897
11. Thu nhập khác	31	VI.28	7.381.070.978	1.392.030.222
12. Chi phí khác	32	VI.29	4.780.975.282	919.749.808
13. Lợi nhuận khác	40		2.600.104.894	563.870.414
14. Lợi nhuận (hỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		(173.702.473)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.681.662.689	67.727.858.721
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	20.551.835.835	16.264.638.008
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	(24.571.881)	(278.738.902)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		57.134.396.025	51.198.797.615
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Cổ đông thiểu số	81		(645.778.547)	(2.879.212.090)
20. Cổ đông Công ty mẹ	53		57.800.178.172	54.077.970.710
21. Lãi es bán trên cổ phiếu	70	VI.32	4.478	5.695

Thước mình báo cáo tài chính khác kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

[Signature]

Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2011

[Signature]

Hà Xuân Long
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mô số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	77.081.062.680	67.737.658.731
Điều chỉnh cho các khoản		
Khoản hác tài sản cố định	20.962.099.430	15.608.839.799
Các khoản dự phòng	118.948.797	(73.352.038.786)
Lỗi lệch chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	77.234.590
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	(10.213.658.786)	(55.378.835.210)
Chi phí lãi vay	75.778.708.622	29.193.604.886
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	185.810.754.654	13.968.117.930
Tăng/giảm các khoản phải thu	(89.956.679.257)	(31.508.910.613)
Tăng/giảm hàng tồn kho	54.876.289.711	41.669.339.671
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	82.000.991.856	(1.399.591.672)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	116.251.321	1.252.127.314
Tiền lãi vay đã trả	(54.199.140.909)	(28.833.418.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(38.856.299.940)	(10.699.516.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.806.833.229	(1.168.453.324)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.864.730.000)	(3.812.880.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	100.467.070.667	(20.450.858.549)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(79.438.980.888)	(68.265.054.856)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	687.524.676	7.777.773
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.076.598.854)	(2.046.700.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	489.280.145	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15.009.226.200	8.131.156.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(67.428.844.712)	(62.182.766.531)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	3.910.000.000	7.820.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	-	(3.910.000.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	1.776.017.067.660	1.512.917.006.571
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.682.099.508.779)	(1.177.508.674.828)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	(82.122.492.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	85.205.078.281	139.318.900.943
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	128.248.684.236	56.705.277.865
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	82.473.629.867	27.548.451.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	(2.147.364.654)	(1.778.099.115)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	208.569.689.339	82.473.629.867

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nghe

Người lập biểu
 Ngày 22 tháng 02 năm 2011

Hà Xuân Long

Hà Xuân Long
 Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
 Lê Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo số tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hàng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-T/RND-TT, ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/2/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103300075 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/11/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 132 tỷ đồng, được chia thành 13.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	23,27%	3.075.900
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	18,84%	2.481.887
+ Các cổ đông còn lại	31,38%	4.142.658
Cộng	100,00%	13.200.000

2. Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: DONG THAP TRADING CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại: 89 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Docifish, chi nhánh Docifood, chi nhánh Docitrade và chi nhánh Dociland.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có cơ cấu riêng, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4. Ngành nghề kinh doanh

Bách loại vải sợi, dệt may, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chế biến, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến động lực được Nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (cá rô, cá mè, cá rô phi, cá chép, cá lóc).

Chế biến, bán buôn thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, sỏi. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. Sản lập mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, bán buôn, bán lẻ thực phẩm và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp), sản xuất các sản phẩm từ nhựa; in bao bì các loại. Tất cả chế phẩm phi kim loại, mua bán, chế biến, phủ chất kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, chế biến ô tô, mô tô, xe máy.

Số các tài chính hợp nhất

Trang 19/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
(*) Công ty TNHH MTV Docifarm	Số A4 - TTTM Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản, thương mại	100%	100%
(*) Công ty TNHH Domyfeed	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%
(*) Công ty Cổ phần Docifish	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	73,84%	73,84%
Công ty TNHH MTV DV PT NON Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty Cổ phần Tam Nông	Đường BT 844, ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%

(*) Công ty TNHH Docifish được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 ngày 27/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, theo đó, tổng vốn điều lệ của Công ty là 36 tỷ đồng. Vào ngày 11/11/2010, Công ty TNHH Docifish đã chính thức nhận sáp nhập từ Công ty TNHH MTV Docifarm và Công ty TNHH Domyfeed theo hợp đồng sáp nhập giữa 3 bên ngày 06/11/2010. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty TNHH Docifish tăng từ 35 tỷ đồng lên 69.228.901.502 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/11/2010, và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Docifish theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/12/2010.

(**) Công ty Cổ phần Tam Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1401188466 ngày 25/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chỉ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với tất cả kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị số sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị số sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát, bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước) khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam ("VND") được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bù toán ngược lại để số dư

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước định trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ suất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lâu;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và kết lý các khoản tài lý nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí chuển nhượng, giá phòng một bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo lý lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	09 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	49 - 50 năm

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trung kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính: đồng VND; ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả ngắn hạn, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương, đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc bổn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

18. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đem vì tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Thuế

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 26% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.
- Hiện tại, số thuế phải nộp do Nhóm Công ty tự xác định và sẽ được điều chỉnh lại khi có hiện bản kiểm tra quyết toán thuế từ cơ quan Thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Đối với các khoản lỗ phát sinh tại các Công ty con, do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập.

20. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành (tên đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Hồng Lĩnh Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trả vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

21. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

I. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt (VND)	933.286.900	2.086.479.101
Tiền mặt (USD & EUR)	161.690.837	133.815.743
Tiền gửi ngân hàng (VND)	3.231.600.305	3.744.963.347
Tiền gửi ngân hàng (USD & EUR)	79.686.091.247	77.503.372.871
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng	113.550.000.000	-
Cộng	208.069.669.239	82.473.629.867

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng USD khác)

B. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	(2.1)	139.962.436.187	109.976.616.306
Trả trước cho người bán	(2.2)	98.101.489.104	80.049.783.784
Phải thu khác	(2.3)	96.368.232.699	103.489.386.582
Cộng		334.429.108.890	293.435.190.672
Dự phòng phải thu khó đòi		(3.272.209.970)	(1.967.203.609)
Cộng		331.156.897.020	291.467.987.070

(2.1) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 4.226.160,28 USD tương đương 91.368.868.421 đồng.

(2.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 567.278,09 USD tương đương 11.119.368.028 VND, khoản trả trước cho người bán liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 2.000.000.000 đồng và khoản trả trước đến công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để mua nguyên liệu là 30.372.300.000 đồng.

(2.3) Bao gồm:		31/12/2010	01/01/2010
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần		-	81.022.538.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (*)	(*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Khoản ứng vốn đến Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim lãi suất 1,33%/tháng		71.236.906.000	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp		1.986.268.803	-
Phải thu tiền bảo hiểm do mất hàng		581.942.000	-
Phải thu nhân viên (thuế TNCN)		188.947.024	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu		494.090.275	-
Các khoản phải thu khác		1.917.762.704	1.866.858.582
Cộng		96.368.232.699	103.189.386.582

(*) Là khoản phải thu ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (sau đây gọi tắt là "Nguyễn Kim"). Công ty Cổ phần Docimexco ứng trước cho Nguyễn Kim 20.000.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được giải ngân để đầu tư cổ phần bất động sản do hai bên thỏa thuận.

A. Hàng tồn kho		31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu		29.933.387.434	30.076.191.663
Công cụ, dụng cụ trong kho		1.878.982.839	993.897.243
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.1)	69.344.423.766	61.106.915.209
Thành phẩm tồn kho		61.569.007.306	154.790.110.734
Hàng hoá	(3.2)	66.778.051.960	57.304.408.287
Cộng		229.401.964.295	394.277.154.936
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(222.848.229)	(1.425.871.700)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		229.179.216.096	292.853.483.336

(3.1) Chủ yếu là chi phí đưa đi gia công nuôi cấy nguyên liệu chưa thu hoạch là 18.434.338.140 đồng và chi phí đầu tư nuôi cấy là 48.679.489.877 đồng.

(3.2) Trong đó, có giá trị hàng hoá bất động sản là 3.870.452.182 đồng bao gồm quyền sử dụng đất và thời hạn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	696.289.962	686.434.793
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.186.070.161	9.406.896.606
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	5.056.012.458	172.535.817
Tài sản ngắn hạn khác (*)	7.381.738.448	11.018.381.339
Cộng	29.521.610.427	21.178.038.637
(*) Bao gồm:	31/12/2010	01/01/2010
- Tài sản thiếu chờ xử lý	1.898.208.457	2.776.894.236
- Tạm ứng	1.540.490.648	4.556.209.174
- Kỳ quỹ mở L/C	3.744.243.124	3.498.436.000
- Kỳ quỹ NH ACB	134.551.918	116.535.828
- Kỳ quỹ NH Eximbank	59.447.304	59.447.304
- Kỳ quỹ thuê kho	4.300.000	14.800.000
Cộng	7.381.738.448	11.018.381.339

5. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: nghìn đồng					
	Nhà cửa, vật biển trọc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vào tài	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	981.184.416	83.465.629	14.634.629	4.222.710	704.852	201.212.127
Tăng	45.715.296	11.022.746	4.161.303	788.890	80.754	62.926.798
Giảm	5.526.905	1.016.159	783.784	209.601	39.701	7.576.150
Số dư cuối năm	138.372.807	94.938.116	18.012.149	4.790.708	746.906	256.968.785
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.448.228	26.903.817	4.994.901	2.856.649	300.169	91.464.785
Tăng	7.868.403	10.056.273	1.960.886	808.164	117.769	20.832.495
Giảm	5.526.905	622.801	823.484	203.700		7.187.097
Số dư cuối năm	58.590.726	36.338.189	6.062.303	3.460.947	417.939	104.908.253
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	41.736.188	56.561.812	9.709.899	1.367.061	404.683	109.747.342
Số dư cuối năm	79.882.082	57.651.927	11.949.807	1.329.761	327.966	151.160.532

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng es bản hoàn thành.

Tài sản cố định giảm trong năm do thanh lý và nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là 9.035.936.400 đồng (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 là 8.156.571.150 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.742.104.735 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.641.341.144	388.941.000	12.998.282.144
Mua mới	4.483.137.153	-	4.483.137.153
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	(*) 17.024.478.297	388.941.000	17.391.419.297
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	25.208.937	73.052.110	98.261.047
Tăng	13.853.604	106.036.663	120.320.272
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	39.062.541	179.718.778	218.781.319
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	12.516.132.207	285.888.890	12.810.021.097
Số dư cuối năm	16.961.915.756	187.222.222	17.172.637.978

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Doctron 456.637.480 đồng; quyền sử dụng đất tại chi nhánh Docitrade 473.600.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Doelland 635.043.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP.HCM 2.592.000.000 đồng; quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 12/01/2080 tại ấp Học Muồng, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp 4.483.137.153 đồng; 12 quyền sử dụng đất và 02 thửa đất số 240, 249 tại thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp là 7.797.923.684 đồng; và quyền sử dụng đất tại thành phố Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp có thời hạn 60 năm (đến ngày 21/3/2058) là 635.886.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp (đến ngày 08/5/2088) là 58.800.000 đồng. Công ty đang thực hiện các thủ tục chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất tại thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

Tài sản cố định khác bao gồm hệ thống mạng máy tính và phần mềm kế toán.

7. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
Mua sắm tài sản cố định	-	362.932.000
Công trình KCN Sông Hậu - Ngân sách cấp	(7.1) 28.482.927.456	8.029.537.897
Công trình KCN Sông Hậu khác	(7.2) 1.660.762.207	1.269.449.091
Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	(7.3) 1.641.532.766	1.627.589.298
Công trình nhà máy chế biến thức ăn thú y cũ	-	20.729.395.000
Công trình đầu tư XD kho lạnh	(7.4) 6.207.909.489	-
Chi phí đào tạo nuôi cá	3.115.917.780	907.769.090
Công trình xây dựng tại Công ty Cổ phần Tam Nông	4.053.623.563	-
Các công trình khác	607.350.560	226.186.808
Cộng	45.790.028.832	38.150.972.874

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đến bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 80,8 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã chuyển đến Công ty đến ngày 31/12/2010 là 76.385.891.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đến bù là 49.571.201.000 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(7.2) Là các khoản chi phí xây dựng hàng rào tại Khu công nghiệp Sông Hậu.

(7.3) Công trình đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo và kho phân bón vật tư nông nghiệp tại Khu kinh tế Đình Bảng, tổng mức đầu tư là 10,9 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục thuê thêm diện tích đất và chưa tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.

(7.4) Công trình đầu tư xây dựng kho lạnh tại Khu công nghiệp Sa Đéc, tổng mức đầu tư là 39.105.197.000 đồng và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2011.

8. Bất động sản đầu tư	Chi phí đào so	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	(*) 1.408.131.849	1.408.131.849
Mua mới	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1.408.131.849	1.408.131.849
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	969.925.737	969.925.737
Tăng	316.082.995	316.082.991
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1.286.008.728	1.286.008.728
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	438.206.112	438.206.112
Số dư cuối năm	122.123.121	122.123.121

(*) Chi phí đào so tại cồn Đông Quạt, cồn Đông Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư ban đầu	(*) 4.000.000.000	-
Khấu tăng (giảm) tính theo phần sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần Docitrans	(173.702.479)	-
Cộng	3.826.297.521	-

(*) Là khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Docitrans theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401280130 ngày 22/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, theo đó, Công ty góp 4 tỷ đồng tương đương 28,86% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ là 10 tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã góp 4 tỷ đồng.

10. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Mua cổ phần Công ty CP Du lịch Đồng Tháp	(10.1) 1.729.110.000	1.020.000.000
Mua cổ phần Công ty CP Thuộc sản trứng VN	(10.2) 165.824.000	135.824.000
Mua cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(10.3) 2.305.700.000	2.026.700.000
Mua công trái, giáo dục	-	54.510.000
Mua công trái, trái phiếu Chính phủ	-	128.815.000
Cộng	4.220.634.000	3.414.849.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chỉ bằng đồng tiền khác)

(10.1) Đầu tư dài hạn mua 170.941 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần) và nhận cổ tức được chia năm trong năm 2009 là 2.000 cổ phần. Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng tiền là 30.800.000 đồng và bằng cổ phiếu là 7.140 cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số cổ phần của Công ty đang sở hữu là 180.081 cổ phần tương đương 1.729.410.000 đồng.

(10.2) Đầu tư dài hạn mua 22.409 cổ phần Công ty Cổ phần Thuế sát trùng Việt Nam với giá mua là 8.290 đồng/cổ phần. Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng tiền là 33.800.000 đồng.

(10.3) Đầu tư dài hạn mua 128.000 cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam với giá mua 18.013 đồng/cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng cổ phiếu là 8.830 cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số cổ phần của Công ty đang sở hữu là 134.830 cổ phần tương đương 2.306.700.000 đồng.

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Lợi thế thương mại	-	530.751.024
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	225.412.791	477.979.760
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.724.705.034	2.431.580.926
Chi phí chờ phân bổ khác	103.562.694	41.535.189
Cộng	3.052.741.419	3.198.846.919
12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến lợi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ	300.308.793	275.736.932
Cộng	300.308.793	275.736.932
18. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	31/01/2010
Vay ngắn hạn ngân hàng	(*) 541.512.585.428	408.204.009.290
Nợ dài hạn đến hạn trả	(19*) 9.928.170.875	12.137.066.000
Cộng	551.441.756.303	418.361.137.290

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	110.018.855.485	2.066.506.450.409	916.911.609.642	201.203.765.361
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp	20.350.404.325	718.749.000	100.181.954.325	-
NH Đầu tư Phát triển - Đồng Tháp	10.410.000.000	588.000.000.122	322.577.958.623	84.703.738.500
NH TNHH MTV ANZ	-	20.050.000.000	-	20.050.000.000
NH TMCP Liên Việt - CN An Giang	-	117.000.000.000	97.600.000.000	20.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ	25.000.000.000	30.000.000.000	86.000.000.000	30.000.000.000
NH Quân Bộ - CN Chợ Lách	-	10.992.000.000	-	10.992.000.000
NH TMCP Á Châu CN Đồng Tháp	9.891.775.458	-	8.110.082.907	1.781.692.551
NH TNHH An Bình CN Cần Thơ	15.231.000.000	10.724.093.000	-	25.955.093.000
Các ngân hàng khác	55.077.000.000	178.700.000.000	218.426.000.000	-
Cộng	400.204.000.000	1.776.017.050.560	1.660.797.548.424	541.512.585.428

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 21/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 211/10/PKHVN/HBTU ngày 21/6/2010 với hạn mức tín dụng 450 tỷ đồng (trong đó, hạn mức cho vay là 400 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C là 300 tỷ đồng), thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng, lãi suất từ 1% đến 1,29%/tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 301.903.763.364 đồng bao gồm 08 kế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với nguyên giá là 9.035.936.409 đồng (giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2010 là 8.250.871.150 đồng).

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 20/10/HEHM ngày 28/7/2010 với hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng, thời hạn vay 4 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 84.738.132.536 đồng bao gồm 72.097.642.536 đồng, lãi suất từ 1% đến 1,06%/tháng, và 1.122.590.00 USD tương đương 21.440.490.030 đồng, lãi suất 0,42%/tháng.

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 30/11/2010 với tiện ích hỗn hợp 5.000.000.00 USD, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 1,29%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 20.000.000.0000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0872010/VAG/HEHTD ngày 27/5/2010 với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất từ 1,08% đến 1,38%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng hóa tồn kho luân chuyển là gạo nguyên liệu, gạo thành phẩm và thành phẩm cá tra với tổng giá trị tài sản thế chấp là 83,8 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 20.000.000.000 đồng bao gồm 08 kế ước nhận nợ vay.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/2010/H PTDHM/TCĐK-CNCT ngày 11/10/2010 với hạn mức tín dụng 110 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 1%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 20.000.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 447.10.701.623659.TD ngày 22/8/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 0,48%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 1.000.000.00 USD tương đương 18.002.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 56291009.02 ngày 22/9/2010; Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 6 tháng; Lãi suất theo bảng giấy nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản số định hữu linh và số linh với giá trị ước tính là 78.840.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 6.881.892.226 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số 07630/HM/III.2 ngày 08/7/2010 và phụ lục hợp đồng số PL01/TD-076/10/HM/III.2 ngày 18/10/2010; Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 076/10/TC/III.2 và phụ lục số PL 01/TC-076/10/TC/III.2 ngày 15/10/2010 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 85.800.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 39.958.000.000 đồng.

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		31/12/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	(14.1)	104.859.034.267	43.569.358.299
Người mua trả tiền trước	(14.2)	19.171.615.485	9.626.000.000
Cộng		124.030.649.752	53.195.358.299

(14.1) Trong đó, các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ 140.000.00 USD tương đương 2.896.180.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(14.8) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh là 9.835.000.000 đồng và các khoản người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 11.630.50 USD tương đương 220.190.520 đồng

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	1.061.753.117	2.960.376.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.188.966.237	15.729.868.731
Thuế xuất nhập khẩu	1.975.633.828	-
Thuế thu nhập cá nhân	283.531.296	245.398.197
Thuế tài nguyên, thuế nhà đất	382.873.270	287.545.600
Các khoản phí và lệ phí	5.020.860	5.628.860
Cộng	5.908.402.000	19.226.054.542
16. Phải trả công nhân viên	31/12/2010	01/01/2010
Tiền lương phải trả	2.447.619.990	2.738.426.754
Tiền lương tháng 13 của phải trả	609.750.547	3.225.564.243
Cộng	3.057.370.540	6.063.990.997
17. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay phải trả	1.576.662.614	380.186.079
Chi phí lãi chiết khấu thanh toán phải trả	506.370.000	-
Cộng	2.082.932.614	380.186.079
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2010	01/01/2010
Tại sản thừa chờ xử lý	2.200.630.694	3.283.519.063
Kinh phí công đoàn	402.230.330	548.107.153
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	13.297.619	77.568.174
Các khoản phải trả khác (*)	20.206.208.292	9.824.018.965
Cộng	22.815.452.104	13.732.176.495
(*) Bao gồm:		31/12/2010
- Phải trả Ông Nguyễn Bào Toàn		738.000.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước (chủ yếu là tiền lãi chậm nộp tiền bán cổ phiếu khi cổ phần hoá Doanh nghiệp)		1.286.038.164
- Khoản phải trả do Công ty nhận ứng vốn từ Công ty Cổ phần Docitrans, lãi suất 1,33%/tháng		5.000.000.000
- Cổ tức năm 2009 còn phải trả		6.771.700.000
- Các khoản nhận kỳ quỹ ngân hàng		5.603.565.197
- Các khoản phải trả khác		700.988.831
Cộng		20.299.293.292

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Phải trả dài hạn khác		31/12/2010	01/01/2010
Phải trả ngân sách Nhà nước	(*)	27.314.880.000	17.580.897.000
Các khoản nhận đặt cọc tiền cho thuê đất tại KCN Sông Hậu		3.413.610.891	3.413.610.891
Cộng		30.728.490.891	20.994.507.891

(*) Nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

19. Vay dài hạn		31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn		37.056.521.153	49.848.486.808
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*)	(9.928.170.675)	(12.157.068.000)
Cộng		28.028.350.478	37.701.431.508

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp	906.028.000	-	906.028.000	-
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp	6.747.380.000	-	4.600.281.000	2.147.099.000
NH Ngoại Thương - Vũng Tàu	8.800.000.000	-	1.704.537.423	7.111.558.580
NIETMCP Á Châu - Đồng Tháp	28.485.045.505	-	4.881.131.932	29.579.913.573
Cộng	49.948.498.508	-	11.991.978.355	37.966.521.153
Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.157.068.000)			(9.928.170.675)
Cộng	37.791.431.508			28.028.350.478

Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng phân xưởng chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 11/2007-HHTD ngày 25/9/2007 với mức vay 15.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, đáo hạn vào ngày 25/8/2011. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 2.247.048.000 đồng cũng là khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2011.

Số dư nợ vay Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Vũng Tàu đến ngày 31/12/2010 là 7.111.558.580 đồng, bao gồm 2 khoản nợ có gốc ngoại tệ là 886.147 USD với tỷ giá quy đổi là 7.000 đồng/USD tương đương 6.203.860.906 đồng và khoản nợ có gốc ngoại tệ là 90.375.96 USD tương đương 1.710.997.675 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả là 2.710.897.675 đồng bao gồm 1 tỷ đồng và 90.375.96 USD tương đương 1.710.997.675 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - CN Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 55291689.02 ngày 30/9/2009; Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 90 tháng; thời gian ân hạn 06 tháng; Lãi suất đơn động từ 10,5%/năm đến 15,5% năm; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ước tính là 75.640.000.000 đồng. Nợ gốc phải trả định kỳ hàng quý với số tiền trả mỗi quý là 1.242.531.000 đồng quý. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 28.577.913.573 đồng.

20. Doanh thu chưa thực hiện		31/12/2010	01/01/2010
Doanh thu nhận trước	(*)	21.550.239.894	22.051.428.526
Cộng		21.550.239.894	22.051.428.526

(*) Doanh thu nhận trước đến ngày 31/12/2010 là 21.550.239.894 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính: đồng VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác

21. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	132.000.000.000	-	-	132.000.000.000
Cổ phiếu quỹ (*)	(3.010.030.000)	-	(3.910.030.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.353.225.804)	4.086.013.008	4.379.345.143	(3.178.907.299)
Quỹ đầu tư phát triển	5.745.000.000	4.369.437.700	-	10.114.437.700
Quỹ dự phòng tài chính	5.501.000.000	3.730.898.000	-	9.231.898.000
Lợi nhuận chưa phân phối	58.170.346.136	57.800.178.172	40.901.307.000	73.009.156.808
Cộng	130.758.096.472	66.939.177.880	41.430.682.943	218.266.232.409

(*) Trong năm 2010, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ với giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
UBND tỉnh Đồng Tháp	38.738.030.000	6.075.000	38.738.030.000	6.075.000
Ông Phạm Văn Phát	7.873.440.000	787.342	-	-
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	7.873.440.000	787.342	-	-
Công ty CP ĐT & PT Nguyễn Kim	-	-	51.811.870.000	6.881.287
Các cổ đông khác	28.428.550.000	5.949.166	41.428.630.000	5.143.633
Cộng	102.880.080.000	18.205.000	132.000.000.000	18.200.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cộng	102.880.080.000	18.205.000	132.000.000.000	18.200.000

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn Phát là 787.342 cổ phần và Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn là 787.342 cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2010	66.170.346.136
Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm 2010	67.800.178.172
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.838.539.100)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(2.730.898.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(4.369.437.700)
Trả cổ tức năm 2009	(32.022.492.500)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2010	73.009.156.808

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

22. Doanh thu	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng	1.941.437.299.996	1.679.151.228.731
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.630.828.463	757.737.034
Chiết khấu thương mại	(1.150.507.123)	(679.244.113)
Hàng bán bị trả lại	(911.891.431)	(44.354.750)
Giảm giá hàng bán	(1.077.508.400)	(3.348.286.273)
Cộng	1.841.138.223.495	1.570.845.978.109

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 25/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chỉ bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
23. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thành phẩm, hàng bán đã bán	1.839.920.417.862	1.521.451.564.380
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.852.711.531	608.766.242
Dự phòng (hoặc nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.201.026.471)	(73.886.109.808)
Cộng	1.640.572.105.922	1.448.315.231.424

	Năm 2010	Năm 2009
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.219.155.616	2.550.191.676
Lãi cho vay	11.691.054.925	2.000.062.878
Lãi đầu tư trái phiếu, mua công trái	24.504.668	14.420.000
Lãi từ hoạt động liên doanh, cổ tức được chia	84.200.000	3.690.006.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	17.211.709.100
Lãi do được hưởng chiết khấu	1.626.332.771	443.839.334
Lãi do chênh lệch tỷ giá	42.338.519.378	68.601.679.574
Lãi do hàng bán trả chậm	996.014.920	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	99.471.271	46.872.819
Cộng	60.660.091.551	92.972.970.481

	Năm 2010	Năm 2009
25. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	55.775.703.533	29.193.694.865
Chi phí lãi quá hạn	3.395.317.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	995.326.454	2.247.324.629
Chi phí lãi chậm nộp tiền bán cổ phần	-	4.465.339.161
Chi phí chiết khấu	1.512.432.231	999.704.747
Chi phí tài chính khác	108.838.230	13.141.002
Cộng	61.698.618.114	38.498.814.417

	Năm 2010	Năm 2009
26. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	420.918.028	179.474.789
Chi phí vận chuyển	25.336.013.438	29.176.377.963
Chi phí hao hi	10.770.946.557	8.664.622.663
Chi phí thuê kho	4.191.286.018	6.152.413.282
Chi phí hoa hồng	126.471.117	1.674.162.130
Chi phí làm hàng	2.595.142.411	2.069.161.178
Chi phí bốc xếp	2.371.627.836	2.692.475.473
Chi phí kiểm đếm, khử trùng	1.001.193.843	1.196.467.211
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	2.925.835.287	2.160.003.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.876.314.943	4.659.776.162
Chi phí khác bằng tiền	6.823.739.352	6.170.581.178
Cộng	61.647.989.626	63.719.037.299

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chỉ bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân lương	34.001.946.791	25.989.662.782
Thù lao hồi đồng quản trị	433.300.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ	2.482.641.848	1.203.811.304
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.481.112.048	343.071.023
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	481.641.573	-
Chi phí khấu hao	3.944.925.521	4.648.011.289
Chi phí tiếp khách, hội nghị	2.001.548.452	2.265.287.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.838.536.423	4.629.149.180
Thuế phí và lệ phí	341.908.636	-
Chi phí chuyển tiền	1.688.463.899	683.032.978
Cộng tác phí	1.699.744.570	1.083.757.559
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	874.478.148	371.478.148
Chi phí khác bằng tiền	8.485.146.015	9.990.875.325
Cộng	82.755.293.914	47.960.997.148
28. Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	6.158.786.924	615.067.500
Thu từ thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ, phế liệu	987.524.670	88.425.664
Chiết khấu thương mại được hưởng	-	110.882.349
Thu hồi công nợ cũ	-	33.684.127
Xử lý công nợ phải trả	-	163.116.453
Thu bán bao thuế ăn thực phẩm	82.416.938	114.072.600
Thuảng đại định mức nước gas công	-	58.430.200
Dãi lợi thương mại phát sinh từ việc mua Công ty con	-	-
Thu từ hoạt động khác	491.340.344	124.162.497
Cộng	7.091.078.976	1.393.628.322
29. Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản	157.223.632	8.222.217
Chi phí bồi thường	-	233.241.803
Chi phí hao hụt nguyên liệu, phế phẩm	4.101.691.733	-
Xử lý tài sản thiếu	897.511.474	-
Chi phí khác	104.348.443	75.285.691
Cộng	4.760.975.282	319.749.808
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ	(24.571.831)	(275.736.902)
Cộng	(24.571.831)	(275.736.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Năm 2010	Năm 2009	
31. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.551.835.895	16.264.638.008	
(%) Bao gồm:			
	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.907.035.494	(225.372.805)	77.681.662.689
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	2.305.513.938	-	2.305.513.938
Cộng lỗ năm trước mang sang	(274.389.167)	-	(274.389.167)
Cộng lỗ kinh doanh của các Công ty con	1.665.915.351	-	1.665.915.351
Cộng phần bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất	374.478.148	-	374.478.148
Cộng lãi chưa thực hiện năm 2010	99.287.327	-	99.287.327
Cộng lỗ từ hoạt động liên doanh, liên kết	173.702.479	-	173.702.479
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(64.200.000)	-	(64.200.000)
Thu nhập tính thuế	82.207.343.580	(225.372.805)	81.981.970.775
Thuế TNDN phải nộp số tính	20.551.835.895	-	20.551.835.895
Thuế TNDN được giảm	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.551.835.895	-	20.551.835.895

	Năm 2010	Năm 2009
32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.800.178.172	54.517.970.710
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.800.178.172	54.517.970.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.906.745	9.752.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.478	5.595

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán dài hạn phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

[Signature]

Người lập biểu
 Ngày 22 tháng 02 năm 2011

[Signature]

Hà Xuân Long
 Kế toán trưởng



[Signature]
 Lê Trường Sơn
 Tổng Giám đốc